

Số: 02/QĐ-UBND

Sơn Long, ngày 10 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng năm 2005 và 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 30/11/2015;

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính Quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đơn vị các cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2005/TTLT- BNV- BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính, quy định chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài Chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà Nước;

Căn cứ Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/05/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

Căn cứ Thông tư 153/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ tài chính Quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 137/2013/TT-BTC ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách nhà nước cấp;

Căn cứ QĐ số 10/2014 ngày 24/03/2014 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua - khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, tiêu chuẩn, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND, ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của HĐND các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định tạm thời đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại trung tâm hành chính công tỉnh, trung tâm hành chính công cấp huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Căn cứ quyết định số 6972/QĐ-UB, ngày 26/12/2022 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán Thu - Chi Ngân sách năm 2023 cho UBND xã Sơn Long;

Căn cứ Nghị Quyết số: 28/NQ-HĐND, ngày 03 tháng 01 năm 2023 của HĐND xã Sơn Long về việc phê chuẩn dự toán Thu-Chi Ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 của Ủy ban nhân xã về việc phân bổ Thu- Chi ngân sách năm 2023;

Sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong cơ quan và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn cơ sở xã Sơn Long;

Xét đề nghị của Kế toán ngân xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Long.

(Chi tiết có nội dung Quy chế kèm theo)

Giao Bộ phận Tài chính- Kế toán có trách nhiệm hướng dẫn các ban ngành đoàn thể thực hiện Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Văn Phòng xã, Bộ phận Tài chính – Kế toán và các ban ngành, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- TTĐU-HĐND-UBND xã;
- Các ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Bình Luận

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Long)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về chế độ, định mức, chứng từ quyết toán, trình tự, thủ tục và thời gian quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí từ tài khoản tiền gửi như: quỹ đền ơn - đáp nghĩa; Bảo trợ trẻ em.

2. Đối tượng điều chỉnh: Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã giao dự toán chi hoạt động từ ngân sách nhà nước và hoạt động tài chính khác bao gồm: Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, Ban công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã; Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách trong các tổ chức được nêu trên.

3. Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công bao gồm:

- Chi thanh toán cho cá nhân;
- Chi hội nghị, tiếp khách, công tác phí;
- Chi các chế độ cho cán bộ công chức: Chi khen thưởng; thanh toán chế độ nghỉ phép; chế độ hỗ trợ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn.
- Quản lý, sử dụng văn phòng phẩm;
- Quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc;
- Quản lý, sử dụng điện, nước sinh hoạt trong cơ quan;
- Quản lý, sử dụng phương tiện đi lại;
- Mua sắm, quản lý, sửa chữa tài sản;
- Chi nghiệp vụ chuyên môn đối với công tác tổ chức thu phí, lệ phí;
- Một số các khoản chi khác: Chi ngày lễ tết, chi việc hiếu, chi kỷ niệm chúc mừng, chi hỗ trợ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

2. Nghiệp vụ kinh tế, tài chính là những hoạt động phát sinh cụ thể làm tăng, giảm tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị kế toán.

3. Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Chương II **NGUYÊN TẮC, CĂN CỨ XÂY DỰNG QUY CHẾ**

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi xây dựng quy chế

1. Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ phải đảm bảo tính dân chủ, công khai và đúng chế độ chính sách của nhà nước hiện hành.

2. Quy chế chi tiêu nội của UBND xã: Theo chế độ tiêu chuẩn, định mức chi tiêu áp dụng thống nhất trên toàn đơn vị nhằm:

- Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao và thực hiện hoạt động thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Sử dụng kinh phí một cách có hiệu quả và tăng cường công tác quản lý.

- Khuyến khích đơn vị tăng thu, tiết kiệm chi nhằm tạo điều kiện tăng thu nhập cho người lao động trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Mọi việc chi tiêu, mua sắm phải có hoá đơn, chứng từ đầy đủ, hợp pháp.

4. Nội dung quy chế bao gồm các quy định về đối tượng, chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong Ủy ban.

5. Quy chế được xem xét điều chỉnh cho phù hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước.

Điều 4. Căn cứ xây dựng Quy chế

1. Hệ thống tiêu chuẩn định mức chi và chế độ quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính hiện hành của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và đặc điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao của đơn vị.

3. Dự toán chi ngân sách Nhà nước giao hàng năm thực hiện quyền tự chủ tài chính.

Chương III **NỘI DUNG QUY CHẾ**

Điều 5. Chứng từ kế toán

Mọi nghiệp vụ Kinh tế, Tài chính phát sinh có liên quan đến ngân sách và hoạt động Tài chính của xã đều phải lập chứng từ kế toán. Mọi số liệu ghi trên sổ sách kế toán đều phải có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ chứng minh.

1. Chứng từ kế toán hợp pháp:

Là chứng từ được lập theo đúng mẫu biểu quy định. Việc ghi chép trên chứng từ phải đúng nội dung, bản chất nghiệp vụ của kinh tế phát sinh và nghiệp vụ kinh tế này phải phù hợp với các qui định của pháp luật. Có đủ chữ ký của người lập, người duyệt, người thực hiện và dấu của Ủy ban nhân dân xã, tùy theo qui định cụ thể của từng chứng từ.

2. Chứng từ hợp lệ: Là chứng từ được ghi chép đầy đủ các yếu tố, các tiêu thức theo qui định và lập đúng phương pháp, trình tự qui định cho từng chứng từ.

Trường hợp không có mẫu thì chứng từ viết tay có đủ các yếu tố quy định cũng được coi là hợp lệ.

3. Chứng từ kế toán không được tẩy xóa và phải có đủ các yếu tố sau:

- Tên và số hiệu của chứng từ .
- Ngày, tháng, năm lập chứng từ.
- Tên đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ.
- Tên đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ.
- Nội dung nghiệp vụ Kinh tế, Tài chính phát sinh.
- Các chỉ tiêu về số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, Tài chính ghi bằng tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền bằng số và bằng chữ.

- Họ và tên, chữ ký của người chịu trách nhiệm lập, người chịu trách nhiệm duyệt chứng từ. Đối với chứng từ do xã lập gửi ra bên ngoài thì phải có dấu của xã.

4. Đối với những khoản mua sắm nhỏ dưới 100 ngàn đồng nếu người bán không phải lập hoá đơn thì người mua phải lập “*phiếu kê mua hàng*”. Phiếu kê mua hàng phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người mua, tên, số lượng hàng hoá, dịch vụ đã mua và số tiền thực tế đã trả. Phiếu kê mua hàng phải được kế toán kiểm tra, xác nhận, trình chủ tài khoản ký duyệt, sau đó mới được coi là chứng từ hợp pháp, hợp lệ và làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Điều 6. Các khoản thu trong đơn vị

- Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp giao trong dự toán hàng năm;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Chi thanh toán cá nhân

1. Dịch vụ thuê mướn khác:

- Thuê mướn bảo vệ kiêm dọn vệ sinh khuôn viên UBND xã: chi trả tiền 2.000.000đ/tháng thời gian làm việc 24/24.

2. Hỗ trợ khác cho cán bộ công chức:

a. Tiền lương và phụ cấp và các khoản đóng góp hàng tháng:

Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế, bán chuyên trách cấp xã, thôn thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước;

b. Tiền lương, tiền công cho cán bộ hợp đồng ngắn hạn chỉ tiêu biên chế: Hợp đồng theo lao động (Đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết mức lương, tiền công thỏa thuận giữa đơn vị và người lao động);

c. Làm thêm ngoài giờ:

Cách tính lương làm thêm giờ vào ban đêm, ngày nghỉ, ngày lễ, tết được căn cứ vào Căn cứ Thông tư số 08/2005/TTLT- BNV- BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính;

* Công thức tính làm thêm giờ vào ban ngày:

Tiền lương làm thêm giờ	=	Tiền lương thực trả ngày làm việc bình thường	x	150% hoặc 200% hoặc 300%	x	Số giờ làm thêm
-------------------------	---	---	---	--------------------------	---	-----------------

150% khi làm thêm giờ vào ngày thường
 200% khi làm thêm giờ vào ngày nghỉ
 300% khi làm thêm giờ vào ngày lễ hoặc ngày được nghỉ bù nếu ngày lễ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ có hưởng lương.

* Công thức tính làm thêm giờ vào ban đêm:

Tiền lương làm vào ban đêm	=	Tiền lương thực trả ngày bình thường	x 130%	x	Số giờ làm việc vào ban đêm
----------------------------	---	--------------------------------------	--------	---	-----------------------------

- **Tiền lương thực trả ngày bình thường:** là số tiền mà người lao động được nhận trong các ngày làm việc bình thường và sẽ được chia ra theo số ngày, số giờ để làm căn cứ tính tiền làm thêm giờ.

(HSL + phụ cấp CV) * Lương cơ bản

$$\text{Tiền lương giờ} = \frac{\text{(HSL + phụ cấp CV) * Lương cơ bản}}{22 \text{ ngày} \times 8 \text{ giờ} (=176 \text{ giờ})}$$

- **Số giờ làm thêm:** là số giờ cán bộ làm thêm ngoài thời gian làm việc theo quy định. Số giờ làm thêm này sẽ được thể hiện rõ trên bảng chấm công

- **Ngày nghỉ:** là ngày nghỉ hàng tuần vào chủ nhật

* Cơ sở thanh toán: Bảng chấm công làm thêm giờ do cán bộ văn phòng theo dõi chấm công.

2. Chi hỗ trợ, hoạt động đại biểu HĐND

- Chi hỗ trợ các chức danh kiêm nhiệm Hội đồng nhân dân Hội đồng nhân dân. Các chức danh kiêm nhiệm được hỗ trợ phụ cấp trách nhiệm hàng tháng theo hệ số mức lương tối thiểu như sau:

Chủ tịch Hội đồng nhân dân hưởng hệ số 0,3.

Trưởng ban Hội đồng nhân dân hưởng hệ số 0,2.

Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân hưởng hệ số 0,1.

Đại biểu Hội đồng nhân dân đang giữ các chức vụ đảng, nhà nước, đoàn thể nếu kiêm nhiệm các chức vụ trong Hội đồng nhân dân thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm. Trường hợp người kiêm nhiệm nhiều công việc trong Hội đồng nhân dân thì được hưởng một mức phụ cấp cao nhất.

- Chi cho hoạt động giám sát của Thường trực và các ban Hội đồng nhân dân Hội đồng nhân dân

Chi chế độ thù lao (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành):

+ Trưởng đoàn, Chủ trì: 130.000 đồng/ngày/người.

+ Thành viên đoàn; Đại biểu mời dự: 100.000 đồng/ngày/người.

+ Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ các hoạt động trên: 60.000 đồng/ngày/người.

- Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được khoán cấp văn phòng phẩm, tài liệu, báo chí, internet: 50.000 đồng/người/tháng (Nếu đại biểu Hội đồng nhân dân

cấp xã đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện thì khoản chi trên do Hội đồng nhân dân cấp huyện chi trả).

+ Chi may trang phục: Cấp tiền may 01 bộ trang phục cho đại biểu HĐND xã, trị giá mỗi bộ 1.000.000 đồng/người/ nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe: ngoài các chế độ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hằng năm theo mức là 500.000 đồng/người/năm, riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ bằng 50% mức chi trên. *(Nếu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện thì khoản chi trên do Hội đồng nhân dân cấp huyện chi trả).*

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động giúp việc cho Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 500.000 đồng/người.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân: 300.000 đồng/người.

3. Chi bồi dưỡng cán bộ tiếp công dân: Căn cứ Nghị quyết 99/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh. Mức chi 600.000 đồng/người/tháng, gồm: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND và 01 công chức văn phòng phụ trách mảng tiếp dân

4. Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng.

5. Chế độ đối với cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát Thủ tục hành chính: Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính; QĐ số 10/2014/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh: Chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, mức chi không quá 300.000 đồng/người/tháng gồm: Chủ tịch UBND và 01 công chức văn phòng được phân công kiểm soát thủ tục hành chính.

6. Chế độ đối với cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác chính sách (thường xuyên đi thăm, viếng, phục vụ tang lễ...):

Căn cứ Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/05/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở: Được hưởng phụ cấp độc hại bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng (không quá 03 người).

Điều 8 . Kinh phí chi khen thưởng:

Ủy ban nhân dân xã chi kinh phí khen thưởng từ nguồn quỹ thi đua khen thưởng gồm những nội dung sau: Khen thưởng tổng kết năm; Khen thưởng tổng kết nhiệm kỳ của các ban ngành; Khen thưởng tổng kết chuyên đề từ 02 năm trở lên theo sự chỉ đạo của trên; Khen thưởng đột xuất do Ủy ban nhân dân xã phát động theo từng đợt thi đua. Định mức chi khen thưởng đúng theo quy định tại

Nghị định số 91/2017/NĐ-CP quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật thi đua khen thưởng, định mức này từng lúc có thể thay đổi theo mức lương tối thiểu.

Chúng từ quyết toán kinh phí khen thưởng gồm có: Quyết định khen thưởng của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã; Danh sách, số tiền khen thưởng của tập thể và cá nhân có ký nhận; đề nghị quyết toán kinh phí.

Điều 9. Quy định về chi tiền điện ánh sáng, tiền nước, tiền điện thoại, văn phòng phẩm: Việc sử dụng điện, nước, điện thoại và văn phòng phẩm phải trên tinh thần tiết kiệm, không vượt tiêu chuẩn, định mức quy định. Không sử dụng của công vào mục đích của cá nhân và không gây thất thoát, lãng phí.

a) Chi tiền điện

Hiện tại Văn phòng ủy ban chi trả tiền điện ánh sáng chung cho toàn cơ quan Ủy ban xã. Đề nghị các phòng ban sử dụng điện đúng mục đích, nhu cầu và tiết kiệm. Khi ra khỏi phòng phải tắt tất cả các thiết bị điện. Chúng từ thanh toán là hoá đơn thu tiền điện của Chi nhánh điện lực Huyện Hương Sơn.

b) Chi tiền điện thoại, Internet:

Điện thoại của cơ quan chỉ phục vụ vào mục đích công việc, không phục vụ cho mục đích cá nhân. Vì vậy không được sử dụng điện thoại, Internet phục vụ công việc cá nhân của mỗi người.

c) Chi phí văn phòng phẩm: Là các khoản chi mua tập giấy viết, giấy in, bút viết; photo tài liệu và vật tư văn phòng khác nhằm phục vụ cho hội nghị, sơ tổng kết, tập huấn và sử dụng công việc chuyên môn quản lý hành chính hàng ngày ở đơn vị.

Đối với văn phòng và các ban ngành nào thì tự chịu trách nhiệm về nội dung cũng như hình thức thanh toán lấy hóa đơn và bảng kê mua hàng chuyển về kế toán.

Việc mua văn phòng phẩm để dùng trong cơ quan, đơn vị, tổ chức hội nghị, tập huấn thì hình thức quyết toán như sau:

Ban tài chính sẽ thanh toán chuyển khoản vào hàng tháng. Đối với các đoàn thể: Riêng khối MTTQ và các đoàn thể trong cơ quan Ủy ban thanh toán từng quý. Hồ sơ thanh toán có bảng kê có đóng dấu của chủ cơ sở cung ứng dịch vụ và kèm theo giấy xin thanh toán, hóa đơn mua hàng về trình kế toán và chủ tài khoản duyệt chi thanh toán. Sau đó kế toán tổng hợp toàn bộ sẽ chuyển khoản thanh toán.

Quá thời gian quy định nêu trên thì Ban tài chính sẽ không chấp nhận thanh toán. Ủy ban nhân dân xã không chấp nhận việc mua văn phòng phẩm, photo tài liệu với hình thức ký nợ thời gian từ năm này sang năm khác mới tổng hợp quyết toán với Ban tài chính.

Lưu ý: Các khối đoàn thể và cơ quan Ủy ban phải thống nhất làm photo tài liệu ở cùng một cửa hàng nhất định, Kế toán không thanh toán photo văn phòng ở cửa hàng lẻ bên ngoài.

Điều 10. Định mức chi tổ chức họp, hội nghị, lễ, kỷ niệm thành lập ngành.

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị để thực hiện cụ thể như sau:

a) Định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước như sau:

Đối với Hội nghị tổng kết năm của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, các ngành, đoàn thể; hội nghị sơ, tổng kết chuyên đề nhiều năm tổ chức một lần; lễ, kỷ niệm thành lập ngành, nếu tổ chức 01 ngày được chi tiền ăn tối đa không quá là 100.000đ/người/ngày.

Đối với các cuộc họp hội nghị sơ kết; các cuộc họp triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của cấp trên chỉ được chi tiền nước uống phục vụ buổi hội nghị đó với mức chi 10.000 đ/người/buổi

Đối với các cuộc họp nghị quyết do Đảng tổ chức: Chỉ được chi tiền nước uống theo chế độ và định mức quy định tiền nước là 20.000đ/người/ngày.

Ngoài ra đối với các buổi tập huấn, triển khai văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tùy theo tính chất công việc, thời gian mà có thể hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham dự.

Mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên là căn cứ để thực hiện hỗ trợ theo hình thức khoán bằng tiền cho đại biểu là khách mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp nếu phải tổ chức nấu ăn tập trung, mức khoán nêu trên không đủ chi phí, thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước cao hơn mức khoán bằng tiền, nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên.

Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên đối với các cuộc họp tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị theo mức chi quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước: Tiền thù lao cho báo cáo viên, giảng viên cấp tỉnh: 500.000đ/ngày; Tiền thù lao cho báo cáo viên, giảng viên cấp huyện: 300.000đ/ngày; Tiền thù lao cho báo cáo viên, giảng viên cấp xã: 200.000đ/ngày.

Các khoản chi phí thuê mướn khác phục vụ hội nghị như: Thuê hội trường, in sao tài liệu, thuê xe, thuê đàn nhạc ... phải có hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng, giấy biên nhận hoặc hóa đơn (trong trường hợp thuê dịch vụ).

b, Chi phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân.

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân được bố trí nơi ăn, nghỉ (*đối với những đại biểu ở xa trên 15 km*). Mỗi suất ăn không quá 100.000 đồng/người; bố trí nghỉ 02 người/01 phòng theo mức giá quy định tại chế độ công tác phí hiện hành.

Mức chi cho Chủ tọa, Thư ký kỳ họp, đại biểu, cán bộ phục vụ:

Chủ tọa kỳ họp: 180.000 đồng/ngày/người.

Thư ký kỳ họp: 150.000 đồng/ngày/người.

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 100.000 đồng/ngày/người.

Đại biểu dự kỳ họp theo giấy mời: 70.000 đồng/ngày/người.

Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ kỳ họp: 50.000 đồng/ngày/người.

+ Chi cho công tác tiếp xúc cử tri Hội đồng nhân dân cấp xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được giao khoán kinh phí tiếp xúc cử tri: 500.000 đồng/đại biểu/năm.

Cán bộ, công chức và người lao động trực tiếp tham dự và phục vụ: 50.000 đồng/ngày/người.

Chi hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri: 300.000 đồng/điểm tiếp xúc.

+ Chi cho công tác xây dựng các văn bản Hội đồng nhân dân cấp xã

Mức chi hoàn thiện các Nghị quyết, báo cáo thẩm tra, báo cáo giám sát chuyên đề trình Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp, mỗi trang không quá 50.000 đồng, không quá 200.000 đồng/văn bản.

c) Chi kỷ niệm ngày thành lập ngành.

- Đối với ngày thành lập ngành của 5 tổ chức đoàn thể và công đoàn mỗi tổ chức 700.000đ (bao gồm cả hoa và quà).

- Đối với ngày thành lập ngành cán bộ công chức và tổ chức xã hội khác, mỗi ngành 200.000đ tiền quà.

d) Về hình thức quyết toán:

- Chi tiền ăn có 02 hình thức quyết toán

+ Kế hoạch dự trù kinh phí tổ chức hội nghị (Có mẫu đi kèm)

+ Giấy mời họp, Kế hoạch tổ chức hội của huyện hoặc xã

+ Thứ nhất: lập danh sách, số tiền sau đó cho từng đại biểu ký nhận (không được ký thay, ký hộ và những người không tham dự hay vắng mặt thì không cấp tiền)

+ Thứ hai: nếu đơn vị tự tổ chức nấu ăn thì lập danh sách có xác nhận của thủ trưởng và kèm theo bản kê mua thức ăn, biên nhận nhận tiền; nếu họp đồng nấu ăn thì lập bản họp đồng và yêu cầu người được thuê nấu ăn cung cấp hóa đơn đồ theo từng khẩu phần ăn. Đối với tiền nước có thể lập danh sách cho ký nhận hoặc yêu cầu cơ sở bán cung cấp hóa đơn tiền nước uống.

+ Thứ ba: Bảng quyết toán kinh phí

Các khoản thuê, mướn (nếu có) thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

Lưu ý: Nếu không đủ các loại giấy tờ trên thì kế toán không nhận hoặc cho nợ bất kỳ hồ sơ của đồng chí nào

d) Quy định về hóa đơn:

Đối với số tiền mua dưới 100.000 đồng chỉ cần hóa đơn thông thường, không cần hóa đơn đỏ. Trên 100.000 đồng thì bắt buộc phải có hóa đơn GTGT và giấy giao nhận tiền.

Đối với địa điểm mua hàng hóa không có hóa đơn chứng từ chứng minh thì có thể viết biên nhận.

Khi mua hóa hàng hóa các vật tư văn phòng, vật dụng chuyên môn yêu cầu phải có hóa đơn GTGT và số tài khoản của nơi bán hàng để hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Còn trường hợp mua hàng hóa có số tiền nhỏ dưới 1.000.000 đồng có thể thanh toán bằng tiền tại quỹ, trên 1.000.000 đồng thì yêu cầu các ban ngành đoàn thể thanh toán bằng chuyển khoản.

Điều 11. Quy định chế độ tiếp khách và công tác phí:

I) Chế độ tiếp khách:

Việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước phải đảm bảo trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí. Không sử dụng ngân sách nhà nước để mua quà tặng đối với các đoàn khách đến làm việc. Mọi khoản tiếp khách phải đúng chế độ, đối tượng, tiêu chuẩn và định mức quy định. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức tiếp khách phải trực tiếp chịu trách nhiệm nếu để xảy ra việc chi sai chế độ quy định. Mọi khoản chi tiếp khách phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (Chủ tài khoản) phê duyệt.

Mức chi tiếp khách: Khách đến làm việc được chi tiền nước uống không quá 20.000đ/người/ngày.

Các đối tượng và định mức chi mời cơm, đoàn kiểm tra cấp trên về kiểm tra chi kinh phí đặt cơm mời ăn không quá 300.000 đồng /01 người.

II) Chế độ công tác phí.

* Dựa trên tình hình thực tế tại xã, Ủy ban chi trả chế độ công tác phí đối với cán bộ đi tập huấn như sau:

1. Thanh toán tiền chi phí đi lại: Quy định thanh toán tiền đi công tác bằng phương tiện xe buýt hoặc thuê xe và thanh toán theo hóa đơn thực tế:

a) Người đi công tác được thanh toán tiền chi phí đi lại bao gồm:

Chi phí chiều đi và về từ nhà hoặc cơ quan đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng đến nơi công tác và theo chiều ngược lại.

Chi phí đi lại tại địa phương nơi đến công tác: Từ chỗ nghỉ đến chỗ làm việc, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về).

Cước, phí di chuyển bằng phương tiện đường bộ, đường thủy, đường biển cho bản thân và phương tiện của người đi công tác.

Cước tài liệu, thiết bị, dụng cụ, đạo cụ (nếu có) phục vụ trực tiếp cho chuyến đi công tác mà người đi công tác đã chi trả.

Cước hành lý của người đi công tác bằng phương tiện máy bay trong trường hợp giá vé không bao gồm cước hành lý mang theo.

Trường hợp cơ quan, đơn vị nơi cử người đi công tác và cơ quan, đơn vị nơi đến công tác đã bố trí phương tiện vận chuyển thì người đi công tác không được thanh toán các khoản chi phí này.

b) Mức thanh toán: Theo giá ghi trên vé, hóa đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật, hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện; giá vé không bao gồm các chi phí dịch vụ khác như tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu.

2. Phụ cấp lưu trú

* Mức phụ cấp lưu trú:

a) Đi công tác ngoại tỉnh cách cơ quan từ 100km trở lên: 200.000 đồng/ngày/người.

b) Đi công tác nội tỉnh cách trụ sở cơ quan từ 15km trở lên; đi công tác ngoại tỉnh cách cơ quan dưới 100km: 150.000 đồng/ngày/người.

Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày): Thanh toán tiền xe đi lại, tiền phụ cấp lưu trú.

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ nơi đến công tác, UBND xã quy định thanh toán theo hóa đơn thực tế, nội dung như sau:

a) Đi công tác ở quận thuộc các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng và các thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ: 900.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/1phòng.

b) Đi công tác ở huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố thuộc tỉnh: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ: 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/1phòng.

c) Đi công tác tại các vùng còn lại: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ: 600.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/1phòng.

d) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng).

đ) Các mức chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại khoản này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Khoản công tác phí;

UBND xã cân đối ngân sách, tiết kiệm các khoản chi tiêu để thanh toán tiền khoản công tác phí cho các chức danh: Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch

UBND xã; 01 công chức Kế toán, 01 công chức Văn phòng - TK phụ trách mảng văn thư mức tối đa không quá 500.000đ/tháng, thanh toán hàng tháng. Ngoài các chức danh được khoán hàng tháng trên, thì khi cán bộ, công chức đi công tác nội huyện theo giấy mời của cơ quan cấp trên thì được thanh toán cho mỗi lần đi công tác là 30.000 đồng (chứng từ thanh toán là giấy mời, giấy đi đường có đóng dấu của nơi đến công tác).

5 Chế độ kiêm nhiệm thủ quỹ thanh toán theo hình thức khoán: Cán bộ bán chuyên trách làm nhiệm vụ thủ quỹ mỗi tháng 1.250.000đ

Điều 12. Quy định chi cho công tác xã hội

- Đối với cán bộ thôn (Bí thư, thôn trưởng) khi bị ốm đau đặc biệt, UBND xã tổ chức thăm hỏi động viên, mức thăm hỏi bằng tiền không quá 300.000 đồng/lượt, không quá 02 lần/năm/người.

- Chi thăm hỏi ốm đau gồm: Cán bộ, công chức, gia đình thân nhân cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách (cha, mẹ, vợ, chồng, con), gia đình chính sách gồm: thương binh, bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sĩ (cha, mẹ, vợ, chồng) mức chi tối đa 700.000đ/người/lần, một năm không quá 02lần/đối tượng;

- Chi lễ tang cán bộ, công chức, cha, mẹ, vợ, chồng, con cán bộ, công chức. Mức chi tối đa 700.000đ/đám và 01 vòng hoa hoặc 01 cờ điệu.

- Chi hỗ trợ đột xuất cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách gặp tai nạn, thiên tai, bệnh nan y và có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế thì được hỗ trợ tối đa 1.000.000đ/người, một năm không quá 02 lần.

- Chi hỗ trợ 500.000đ cho cán bộ, công chức chuyên đi nơi khác làm việc và các đ/c cán bộ đến tuổi được nghỉ hưu. Ngoài ra theo tình hình thực tế và tùy thuộc vào nguồn Ngân sách của đơn vị. Thủ trưởng đơn vị phê duyệt tổ chức một buổi liên hoan chia tay giữa người đi, về và người ở lại. Giao cho Văn phòng ủy ban theo dõi và chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 13. Quy định về mua sắm Tài sản cố định, thuê mướn, sửa chữa thường xuyên và xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn.

a) Mua sắm tài sản cố định:

Việc mua sắm tài sản cố định phải căn cứ vào nhu cầu, tiêu chuẩn, định mức và sự cần thiết phải trang bị thêm hoặc bổ sung các loại tài sản cố định phục vụ cho công việc của cơ quan, cũng như cán bộ, công chức trên tinh thần tiết kiệm, không lãng phí. Các ngành có nhu cầu mua sắm tài sản mới phải xin ý kiến và được sự đồng ý phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân mới được mua.

Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ chung cho tất cả các khối Đảng, Nhà nước, các đoàn thể thì được chi từ ngân sách nhà nước. Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ cho công tác của khối, của ngành thì được trích trong kinh phí khoán của từng ngành.

Chứng từ quyết toán gồm có: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và bàn giao tài sản, thanh lý hợp đồng, hóa đơn,

b) Thuê mướn và sửa chữa thường xuyên:

Đối với các khoản chi thuê, mướn: trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc công việc thường xuyên của ngành có nhu cầu thuê mướn như: thuê vận chuyển, thuê sửa chữa, thuê nạo vét cống rãnh thì phải lập hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn. Hợp đồng phải nêu rõ nội dung, phạm vi và số tiền. Ví dụ như hợp đồng vận chuyển thì ghi rõ nội dung vận chuyển, tuyến đường đi và về bao nhiêu km, số tiền là bao nhiêu.....

Đối với các khoản thuê mướn hoặc sửa chữa thường xuyên với số tiền dưới 200.000 đồng thì không cần phải lập hợp đồng mà chỉ cần hóa đơn hoặc biên nhận nhận tiền.

c, Sửa chữa thường xuyên: Đối với các tài sản phục vụ cho công tác chuyên môn khi bị hư hỏng phải báo về văn phòng, văn phòng báo cáo chủ tịch xem xét quyết định mới được sửa chữa. Đối với các tài sản khác thì trước khi sửa chữa công chức địa chính - xây dựng phải lập dự toán kinh phí trình Bộ phận Tài chính – Kế toán và chủ tài khoản duyệt có đủ chữ ký của kế toán và chủ tài khoản vào văn bản mới được tiến hành sửa chữa. Trường hợp sửa chữa xong công trình mới đưa hồ sơ dự toán trình Bộ phận Tài chính – Kế toán thì không chấp nhận thanh toán khoản đó.

d. Đối với mua sắm tài sản trên 100triệu đồng thì thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.

Điều 14. Quy định về tạm ứng và thanh toán tạm ứng:

a) Quy định tạm ứng:

Việc tạm ứng ngân sách của các ngành để chi hoạt động, mua sắm phải thực hiện đúng quy trình: phải lập bảng dự trù kinh phí, giấy đề nghị tạm ứng gửi tại Ban tài chính xã (qua kế toán ngân sách) thẩm tra nội dung tạm ứng, sau đó trình chủ tài khoản phê duyệt và nhận tiền tại thủ quỹ. Trường hợp đột xuất phải tạm ứng tiền ngân sách để chi cho hoạt động mà kế toán không có tại cơ quan thì tổ chức, cá nhân lập bảng dự trù kinh phí (đối với các khoản chi từ 1.000.000đ trở lên) và đề nghị tạm ứng gửi chủ tài khoản phê duyệt; trường hợp không có chủ tài khoản tại cơ quan thì kế toán kiểm tra nội dung sau đó xin ý kiến bằng điện thoại để chủ tài khoản và kế toán quyết định. Thủ quỹ không được cho tạm ứng khi chưa có chữ ký phê duyệt của kế toán và chủ tài khoản hoặc sự chỉ đạo của chủ tài khoản.

Các ngành tạm ứng phải chủ động về mặt thời gian để đề nghị xin tạm ứng, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban tài chính điều hành ngân sách. Đối với những khoản tạm ứng với số tiền từ 5 triệu đồng trở xuống phải gửi Ban tài chính trước 5 ngày (trừ trường hợp đột xuất), tạm ứng số tiền từ 5 triệu đến 10 triệu đồng phải gửi Ban tài chính trước 15 ngày để Ban tài chính có kế hoạch tạm ứng từ Kho bạc.

Việc tạm ứng ngân sách chi thường xuyên kế toán phải tạo điều kiện duyệt trước 70% số tiền trên tổng số tiền được duyệt tạm ứng.

b) Thanh toán tạm ứng:

Tạm ứng chi thường xuyên: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tạm ứng hoặc kể từ ngày kết thúc nội dung công việc các ngành phải lập chứng từ quyết toán với Ban tài chính.

Đối với kinh phí huấn luyện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày huấn luyện xong.

Việc quyết toán, thanh toán tiền tạm ứng phải đúng với nội dung và số tiền trong bảng lập dự trù kinh phí và số tiền tạm ứng mà chủ tài khoản đã phê duyệt, các khoản chi phát sinh hoặc chuyển các nội dung chi từ khoản này sang khoản khác phải xin ý kiến và được sự đồng ý của kế toán và chủ tài khoản.

Khi quyết toán, thanh toán tiền tạm ứng phải kèm theo bảng dự trù kinh phí đã được chủ tài khoản phê duyệt.

Những trường hợp vi phạm về thời gian thanh toán tạm ứng sau 03 lần (nhắc nhở của kế toán) trở lên làm ảnh hưởng đến điều hành ngân sách, Ủy ban nhân dân xã sẽ có thông báo từ chối tạm ứng đối với tổ chức, cá nhân đó.

Điều 15. Chế độ báo cáo, công khai tài chính

- Cuối kỳ kế toán báo cáo các khoản thu, chi trong quý cho lãnh đạo UBND xã.

- Hàng năm các khoản thu, chi tài chính được công khai dân chủ trên các phương tiện như công thông tin điện tử xã, Loa truyền thanh, Web.....: công khai dự toán thu chi năm, công khai quý, 6 tháng, quyết toán năm.

Điều 16. Chi hỗ trợ hoạt động công đoàn, chi hỗ trợ thôn xóm trong chính sách xây dựng nông thôn mới.

- Dựa trên nguồn thu và cân đối nguồn chi, định kỳ hàng quý, năm Ủy ban nhân dân xã có cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động công đoàn theo quy định.

- Tùy vào thực tế công việc phát sinh ở thôn, Ủy ban nhân dân xã có chính sách hỗ trợ thôn xóm trong xây dựng nông thôn mới.

Chương 4

XÁC ĐỊNH VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ TIẾT KIỆM ĐƯỢC

Điều 16. Kinh phí tiết kiệm được

Kết thúc năm ngân sách, số kinh phí tiết kiệm được là khoản chênh lệch giữa số chi thực tế sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ chi thường xuyên trong năm thấp hơn dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu khác.

Kinh phí giao thực hiện quyền tự chủ đối với các nhiệm vụ trong năm nhưng đến cuối năm chưa hoàn thành, chưa triển khai phải chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện, không được xác định là kinh phí quản lý tiết kiệm được.

Điều 17. Nội dung chi kinh phí tiết kiệm được:

Kinh phí quản lý tiết kiệm được được sử dụng theo các nội dung sau:

1. Trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 10%.
2. Chi khen thưởng cho tập thể và cá nhân có thành tích: 30%

3. Chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức: 10%

4. Chi cho các hoạt động phúc lợi: 50%

. Tổ chức cho cán bộ công chức, viên chức đi tham quan, nghỉ mát.

. Trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ công chức, viên chức (do bị tai nạn, hỏa hoạn, ...).

Kinh phí quản lý tiết kiệm được được trong năm sau khi chi trả các khoản nêu trên còn lại (nếu có), được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Điều 18. Chi trả thu nhập tăng thêm

- Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, nhân viên theo kết quả xếp loại lao động hàng năm. Hệ số điều chỉnh như sau:

+ Hệ số 1,0: Áp dụng cho cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến;

+ Hệ số 1,1: Áp dụng cho cá nhân đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở.

- Cách tính:

Chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức tối đa không quá 1,0 (một) lần so với mức tiền lương cấp bậc, chức vụ do Nhà nước quy định và được xác định theo công thức:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Thu} \\ \text{nhập} \\ \text{tăng} \\ \text{thêm của} \\ \text{cá nhân} \end{array} \right\} = \left\{ \begin{array}{l} \text{Quỹ tiền} \\ \text{lương, tiền} \\ \text{công được} \\ \text{phép chi trả} \\ \text{tối đa trong} \\ \text{năm} \end{array} \right\} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Tổng hệ số} \\ \text{lương, phụ} \\ \text{cấp đóng bảo} \\ \text{hiểm của cá} \\ \text{nhân người} \\ \text{lao động} \end{array} \right\} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{điều} \\ \text{chỉnh} \end{array} \right\}$$

$\left\{ \begin{array}{l} \text{Tổng hệ số} \\ \text{lương, phụ} \\ \text{cấp đóng bảo} \\ \text{hiểm của toàn} \\ \text{đơn vị} \end{array} \right\}$

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan Ủy ban nhân dân xã, là cơ sở pháp lý để thực hiện giao dịch với kho bạc. Bộ phận Tài chính - Kế toán căn cứ vào quy chế này và các quy định có liên quan để kiểm soát việc thanh quyết toán đối với các tổ chức, cá nhân có thụ hưởng từ ngân sách nhà nước. Trường hợp quyết toán sai với nội dung quy chế này phải từ chối thanh toán, đảm bảo cho việc thực hiện quy chế một cách nghiêm túc, chắc chắn, tiết kiệm ngân sách nhà nước và đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo có liên quan.

Mọi trường hợp vi phạm quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị nhắc nhở, phê bình, kiểm điểm theo quy định pháp luật hiện hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN LONG